

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Ngôn ngữ học
Mã ngành:	8229020
Nhóm ngành:	Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Ngữ văn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Ngôn ngữ học
Mã ngành:	8229020
Nhóm ngành:	Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Ngữ văn

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lí thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành Ngôn ngữ học. Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ học có thể làm việc ở những vị trí: giảng viên chuyên ngành Ngôn ngữ học, chuyên viên nghiên cứu, giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh người Việt, giáo viên dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình cao học, học viên:

–Về phẩm chất: thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thông qua việc tuân thủ các chuẩn mực về học tập, làm việc, nghiên cứu, chấp hành các quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức); thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, có được những ứng xử phù hợp trong các tình huống thực tiễn liên quan đến công việc, học tập, nghiên cứu.

–Về năng lực:

+ Năng lực chung: thể hiện được tư duy phản biện từ việc chủ động xác định các vấn đề phản biện trong nghiên cứu Ngôn ngữ học, có khả năng tìm kiếm và sắp xếp

các luận chứng, luận cứ để phản biện vấn đề, chủ động tìm kiếm và thực hiện các phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đề xuất được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn, các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực Ngôn ngữ học, có khả năng truyền bá tri thức và hướng dẫn thực hiện được các hoạt động chuyên môn về Ngôn ngữ học, xác định và lựa chọn được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn.

+ Năng lực chuyên ngành: vận dụng được những kiến thức, kỹ năng Ngôn ngữ học để độc lập nghiên cứu những vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến Ngôn ngữ học (biết phát hiện vấn đề nghiên cứu; biết thu thập, xử lý thông tin; biết phân tích, đánh giá giải quyết vấn đề; biết trình bày kết quả nghiên cứu).

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CĐR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo

Mã CDR	Mô tả
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lí hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lí hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ học để giải thích, phân tích, đánh giá,... các vấn đề chuyên ngành Ngôn ngữ học	
PI.4.1	Vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ học để giải thích, phân tích, đánh giá,... các vấn đề lí thuyết của ngôn ngữ học.
PI.4.2	Vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ học để giải thích, phân tích, đánh giá,... các vấn đề thực tiễn liên quan đến ngôn ngữ học.
PLO 5. Vận dụng kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ học để thực hiện nghiên cứu sâu về chuyên ngành Ngôn ngữ học	
PI.5.1	Phát hiện được những vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học.
PI.5.2	Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học.
PI.5.3	Triển khai vấn đề nghiên cứu.
PI.5.4	Viết báo cáo nghiên cứu.

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ học có thể làm việc ở những vị trí: nghiên cứu viên, giảng viên chuyên ngành Ngôn ngữ học, giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh người Việt, giáo viên dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, biên tập viên, biên dịch.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có đủ năng lực và trình độ tiếp tục học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc ngành Ngôn ngữ học.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0

D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

[Chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ học – Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM](#)

[Chương trình Thạc sĩ Ngôn ngữ học – Leiden University, Hà Lan](#)

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ ***Về năng lực ngoại ngữ***: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ ***Về kinh nghiệm công tác chuyên môn***

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh

vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Ngôn ngữ học đại cương.

- Môn cơ sở: Việt ngữ học.

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

Ngành khác (sẽ phải học bổ sung kiến thức): Hán Nôm; Báo chí; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Sáng tác văn học; Văn hóa học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Nhật; Sư

phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Nhật.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TT
1	LITR1451	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	39
2	LITR1452	Âm vị học tiếng Việt	2	30	39
3	LITR1832	Từ vựng – ngữ nghĩa – ngữ dụng học tiếng Việt	2	30	39
4	LITR1454	Ngữ pháp học tiếng Việt	3	45	60
Tổng số tín chỉ			9		

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ

					TC	
Kiến thức chung	5	8.06%	5	9.43%	0	0
Kiến thức chuyên ngành	30	48.39%	21	39.62%	9	100%
Chuyên đề nghiên cứu	12	19.35%	12	22.64%	0	0
Luận văn tốt nghiệp	15	24.19%	15	28.30%	0	0
Tổng	62	100%	53	100	9	100

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08NNHO1001	Triết học	4	45	30	40	60
2	08NNHO1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1	15	0	60	40
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH						
	Học phần bắt buộc (21 TC)		21				
3	08NNHO2003	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	3	40	10	50	50
4	08NNHO2004	Âm vị học	3	40	10	50	50
5	08NNHO2005	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	40	10	50	50
6	08NNHO2006	Phân tích diễn ngôn	3	40	10	50	50
7	08NNHO2007	Những vấn đề của ngữ pháp học – từ truyền thống đến chức năng luận	3	30	30	50	50
8	08NNHO2008	Ngôn ngữ học ứng dụng và những vấn đề giáo dục ngôn ngữ	3	40	10	50	50
9	08NNHO2009	Ngôn ngữ học tri nhận	3	40	10	50	50
	Học phần tự chọn (9TC)		9				

10	08NNHO2010	Các trường phái ngôn ngữ học	3	40	10	50	50
11	08NNHO2011	Những vấn đề thời sự ngôn ngữ học	3	40	10	50	50
12	08NNHO2012	Ký hiệu học	3	40	10	50	50
13	08NNHO2013	Loại hình học ngôn ngữ	3	40	10	50	50
14	08NNHO2014	Lịch sử ngữ âm tiếng Việt	3	40	10	50	50
15	08NNHO2015	Ngữ nghĩa học	3	40	10	50	50
16	08NNHO2016	Dạy và học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai	3	40	10	50	50
17	08NNHO2017	Ngôn ngữ học xã hội	3	40	10	50	50
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
18	08NNHO3018	Chuyên đề nghiên cứu 1	4	30	60		100
19	08NNHO3019	Chuyên đề nghiên cứu 2	4	30	60		100
20	08NNHO3020	Chuyên đề nghiên cứu 3	4	30	60		100
IV	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		15				
Tổng số tín chỉ			62				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: TC, bao gồm 26 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
08NNHO1001	Triết học	4
08NNHO1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08NNHO2003	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học	3
08NNHO2004	Âm vị học	3
08NNHO2005	Ngôn ngữ học đối chiếu	3
08NNHO2006	Phân tích diễn ngôn	3
08NNHO2007	Những vấn đề của ngữ pháp học – từ truyền thống đến chức năng luận	3
08NNHO2008	Ngôn ngữ học ứng dụng và những vấn đề giáo dục ngôn ngữ	3
08NNHO2009	Ngôn ngữ học tri nhận	3

Học kì 2 (Tổng cộng: 21 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn)		
HP tự chọn		
08NNHO2010	Các trường phái ngôn ngữ học	3
08NNHO2011	Những vấn đề thời sự ngôn ngữ học	3
08NNHO2012	Ký hiệu học	3
08NNHO2013	Loại hình học ngôn ngữ	3
08NNHO2014	Lịch sử ngữ âm tiếng Việt	3
08NNHO2015	Ngữ nghĩa học	3
08NNHO2016	Dạy và học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai	3
08NNHO2017	Ngôn ngữ học xã hội	3
Chuyên đề nghiên cứu		
08NNHO3018	Chuyên đề nghiên cứu 1	4
08NNHO3019	Chuyên đề nghiên cứu 2	4
08NNHO3020	Chuyên đề nghiên cứu 3	4
Học kì 3 - 4 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 15 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
Luận văn tốt nghiệp		15

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08NNHO1002

- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học (Research Methodology in Linguistics)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2003
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về phương pháp, thủ pháp, quy trình cũng như một số vấn đề về đạo đức trong nghiên cứu ngôn ngữ học đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng ứng dụng hiểu biết về phương pháp, thủ pháp cũng như quy trình đã học vào thực tiễn nghiên cứu, phát triển tư duy phản biện, khả năng đánh giá khách quan về các vấn đề khoa học.

4. Âm vị học (Phonology)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2004
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Âm vị học là bộ môn khoa học xã hội đầu tiên đạt đến mức độ chính xác của khoa học tự nhiên; nắm vững kiến thức âm vị học do đó không những sẽ tạo điều kiện thuận lợi khi nghiên cứu các phân môn khác của ngôn ngữ học, mà còn nâng cao ý thức về phương pháp nghiên cứu nói chung. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất của âm vị học; giúp người học xem xét lại một số vấn đề của âm vị học tiếng Việt. Người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào việc khảo sát, lý giải những vấn đề có liên quan.

5. Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2005
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về ngôn ngữ học đối chiếu cùng những thao tác làm việc nhằm nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ cụ thể, giúp cho người học có kỹ năng nghiên cứu đối chiếu hai ngôn ngữ cụ thể để xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa các ngôn ngữ được đối chiếu.

6. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2006
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp học viên nắm vững các kiến thức cơ bản về quá trình giao tiếp, đặc điểm chung về ngôn ngữ, cấu trúc hình thức, cấu trúc nội dung của một số loại hình diễn ngôn, một số thể loại diễn ngôn trong hành chức; nắm vững phương pháp và hệ thủ pháp tương ứng của một số đường hướng phân diễn ngôn, phân tích thể loại, những ưu điểm và hạn chế của chúng. Sau khi học xong, học viên có thể nhận biết các đặc điểm trong và ngoài ngôn ngữ để khu biệt các loại hình diễn ngôn và một số thể loại diễn ngôn tiêu biểu; so sánh, đối chiếu mục đích, chức năng giữa các loại hình diễn ngôn và một số thể loại diễn ngôn để nhận rõ hơn các chức năng nổi trội và có tính chi phối; xác lập được một số tiêu chí để nhận biết và đánh giá chất lượng một số loại diễn ngôn.

7. Những vấn đề của ngữ pháp học – từ truyền thống đến chức năng luận (Grammar Issues – from Traditional Grammar to Function Grammar)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2007
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp người học nắm được những quan điểm ngữ pháp khác nhau (từ ngữ pháp truyền thống đến ngữ pháp chức năng) xung quanh những

vấn đề cơ bản của ngữ pháp học. Học viên biết nhận xét, đánh giá một quan điểm ngữ pháp; có thể phân tích được những hiện tượng ngữ pháp bằng các quan điểm ngữ pháp khác nhau; từ đó giải quyết được các vấn đề cụ thể trong giảng dạy và nghiên cứu.

8. Ngôn ngữ học ứng dụng và những vấn đề giáo dục ngôn ngữ (Applied Linguistics and Language Teaching Issues)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2008
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức căn bản, hiện đại về các lĩnh vực của ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt là giúp người học hiểu được khả năng và các hình thức ứng dụng ngôn ngữ học vào lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ. Học viên được rèn luyện kỹ năng thực hiện một nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng; có được kỹ năng đánh giá một chương trình giáo dục ngôn ngữ hay một phương pháp dạy học tiếng được áp dụng trong lớp học; nắm được một số phương pháp nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ phổ biến và dùng những phương pháp này như những công cụ nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn của dạy học tiếng Việt.

9. Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2009
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:
- Nội dung: Học phần giới thiệu cho người học một chuyên ngành khoa học mới và đang phát triển rất mạnh của ngôn ngữ học hiện đại. Người học có thể khảo sát, giải thích các hiện tượng ngôn ngữ cũng như xem xét lại tri thức ngôn ngữ dưới ánh sáng của ngôn ngữ học tri nhận.

10. Các trường phái ngôn ngữ học (Schools of Linguistics)

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08NNHO2010
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về một số trường phái ngôn ngữ học lớn ở Mỹ và châu Âu trong thế kỉ 20, rèn luyện cho học viên kỹ năng so sánh, đánh giá những quan điểm lí thuyết khác nhau; và có kỹ năng phân tích ngôn ngữ học trong khuôn khổ một khung lí thuyết nhất định.

11. Những vấn đề thời sự ngôn ngữ học (Current Issues in Linguistics)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2011

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp học viên nắm bắt kịp thời những vấn đề thời sự của ngôn ngữ học đương đại đồng thời rèn luyện cho học viên kỹ năng nắm bắt những vấn đề mới của ngôn ngữ học đương đại và vận dụng vào việc giải quyết những vấn đề còn gây nhiều tranh luận trong Việt ngữ học.

12. Ký hiệu học (Semiotics)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2012

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp học viên nắm được những trường phái quan trọng của ký hiệu học; hiểu được những khái niệm then chốt của khoa ký hiệu học, biết phân tích ký hiệu theo góc nhìn ký hiệu học, biết cách tiếp cận đa phương.

13. Loại hình học ngôn ngữ (Typology)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2013

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về loại hình học ngôn ngữ: 1. Lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của loại hình học ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu loại hình học ngôn ngữ; 2. Đặc điểm, tiêu chí phân loại, các cách phân loại loại hình học ngôn ngữ; 3. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt và vị trí của tiếng Việt trong loại hình học ngôn ngữ đơn lập; 4. Khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, phương pháp xây dựng phổ niệm ngôn ngữ, đặc điểm của các

loại phổ niệm ngôn ngữ. Sau khi học xong, học viên có thể nhận diện và xác lập các tiêu chí phân loại các loại hình ngôn ngữ; vận dụng các kiến thức về loại hình ngôn ngữ và phổ niệm ngôn ngữ để phân tích, mô tả và đối chiếu đặc điểm của các ngôn ngữ cụ thể; vận dụng kiến thức về các phổ niệm ngôn ngữ, đặc điểm các loại hình ngôn ngữ và đặc điểm loại hình của tiếng Việt vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ.

14. Lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Phonological History of Vietnamese)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2014

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử ngữ âm tiếng Việt; từ đó hiểu được các giai đoạn phát triển của tiếng Việt và những vấn đề hiện nay liên quan đến lịch sử tiếng Việt. Học phần cũng hình thành cho học viên kỹ năng nhận diện các từ cùng gốc (cognates); kỹ năng xác định các tương ứng (correspondences) ngữ âm; phân biệt hiện tượng cùng gốc do vay mượn và hiện tượng cùng gốc do có chung một ngôn ngữ tiền thân (proto-language); xác định điều kiện của sự biến đổi âm, hiện tượng nhập hay tách âm, từ đó tái lập dạng tiền thân (proto-forms).

15. Ngữ nghĩa học (Semantics)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2015

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp người học nắm vững những vấn đề cơ bản nhất của ngữ nghĩa học hiện đại và bước đầu làm quen với một số kỹ năng phân tích ngữ nghĩa, và vận dụng vào việc nghiên cứu ngữ nghĩa tiếng Việt.

16. Dạy và học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai (Teaching and Learning Vietnamese as a Second Language)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2016

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần giúp học viên nắm được những vấn đề cơ bản về lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (second language acquisition research), so sánh sự thụ đắc ngôn ngữ thứ hai và sự thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất; vấn đề dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài; vấn đề hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu văn bản cho người nước ngoài học tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần giúp học viên phân tích các nội dung kiến thức về khái niệm "ngôn ngữ thứ hai"; những nét đặc thù của sự thụ đắc ngôn ngữ thứ hai; vấn đề chuyển di ngôn ngữ trong việc thụ đắc ngôn ngữ thứ hai; phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài. Sau khi học xong học phần, học viên có các kỹ năng: nhận biết, lý giải, nhận xét, đánh giá những vấn đề cơ bản về lĩnh vực dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai, phương pháp dạy tiếng như một ngôn ngữ thứ hai; vận dụng lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, phương pháp giao tiếp vào việc dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai; vận dụng mô hình tương tác vào việc dạy kỹ năng đọc hiểu văn bản tiếng Việt cho người nước ngoài.

17. Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08NNHO2017

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành:

- Nội dung: Học phần trình bày khái quát những vấn đề cơ bản về bối cảnh ra đời, mục đích, nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội; các hiện tượng song ngữ và đa ngữ, Pidgins và Creoles; song thể ngữ và đa ngữ; phương ngữ, các biến thể và ngôn ngữ; ngôn ngữ và giai cấp; ngôn ngữ và giới tính; về giao tiếp ngôn ngữ; phương pháp điều tra và xử lý tư liệu trong ngôn ngữ học xã hội; một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực Ngôn ngữ học xã hội. Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận biết, lý giải, nhận xét, đánh giá những vấn đề cơ bản về lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
----	-----------	--------------------	----------------------------	--------------------------	--------------------------

1	Bùi Mạnh Hùng	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học đối chiếu, Ngữ dụng học, Ngữ pháp học	Ngôn ngữ học đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng và những vấn đề giáo dục ngôn ngữ, Các trường phái ngôn ngữ học
2	Tăng Thị Tuyết Mai	TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học, Ngữ nghĩa học	Những vấn đề của ngữ pháp học – từ truyền thống đến chức năng luận, Loại hình học ngôn ngữ

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Hoàng Dũng	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Âm vị học, Ngữ nghĩa học, Lịch sử ngữ âm tiếng Việt	Âm vị học, Ngữ nghĩa học, Kí hiệu học, Lịch sử ngữ âm tiếng Việt
2	Trịnh Sâm	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Phân tích diễn ngôn, Ngôn ngữ tri nhận	Phân tích diễn ngôn, Ngôn ngữ tri nhận
3	Dư Ngọc Ngân	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học	Dạy và học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai

4	Lý Toàn Thắng	GS. TS	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học tri nhận	Ngôn ngữ học tri nhận
5	Nguyễn Thị Hai	GS. TS	Ngôn ngữ học	Ngữ âm học	Những vấn đề phương ngữ học
6	Nguyễn Văn Hiệp	GS. TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học	Những vấn đề thời sự ngôn ngữ học
7	Nguyễn Thiện Giáp	GS. TS	Ngôn ngữ học	Từ vựng học	Các trường phái ngôn ngữ học
8	Trần Thị Ngọc Lang	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Phương ngữ học	Những vấn đề phương ngữ học
9	Nguyễn Thị Phương Trang	PGS. TS	Ngôn ngữ học	Âm vị học	Âm vị học
10	Trần Hoàng	TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học	Logic và tiếng Việt
11	Nguyễn Văn Phở	TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học
12	Đinh Lư Giang	TS	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học xã hội	Ngôn ngữ học xã hội
13	Nguyễn Hoàng Trung	TS	Ngôn ngữ học	Ngữ pháp học	Dạy và học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm Giải phẫu - Sinh lý người và động vật

- Phòng thí nghiệm Động vật

- Phòng thí nghiệm Thực vật - Sinh thái

- Phòng thí nghiệm Sinh lý thực vật - Phương pháp dạy học

- Phòng thí nghiệm Sinh hóa - Vi sinh

- Phòng thí nghiệm Di truyền - Tiến hóa

- Phòng thí nghiệm Sinh học trung tâm

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.

- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022
--	--

	HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	--